

VŨ THANH BẰNG*

SỰ BIẾN ĐỔI CỦA LỄ VẬT TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ THÀNH HOÀNG Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY

Tóm tắt: *Tín ngưỡng Thành hoàng với các thiết chế liên quan, bao gồm: hệ thống cơ sở thờ tự như đình, miếu, nghè... và các nghi lễ, lễ hội tồn tại phổ biến trong đời sống của cư dân ở thành phố Hà Nội. Trong bối cảnh đương đại, tín ngưỡng Thành hoàng ở Hà Nội vẫn bảo lưu nhiều phong tục, tập quán truyền thống, nhưng cũng có những biến đổi trên nhiều phương diện, trong đó, có tục lệ chuẩn bị và dâng cúng lễ vật. Lễ vật là một thành tố quan trọng cấu thành nghi lễ, thể hiện niềm tin, sự tôn kính đối với vị thần bảo hộ, đồng thời góp phần duy trì các chuẩn mực ứng xử và củng cố sự gắn kết cộng đồng. Bài viết này tập trung phân tích các đặc điểm truyền thống và một số xu hướng biến đổi hiện nay của lễ vật trong tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở thành phố Hà Nội.*

Từ khóa: *Tín ngưỡng Thành hoàng, lễ vật, biến đổi văn hóa, thành phố Hà Nội.*

Ngày nhận bài: 30/10/2025; ngày biên tập: 10/11/2025; ngày duyệt đăng: 15/11/2025.

Đặt vấn đề

Hà Nội với vị thế là trung tâm của cả nước, có đặc điểm riêng về không gian địa lý - văn hóa của Kinh thành Thăng Long xưa và vùng phụ cận (ảnh hưởng văn hóa xứ Đoài, xứ Bắc, xứ Đông và xứ Nam). Quá trình mở rộng địa giới hành chính qua thời gian dài đã tạo cho Hà Nội một bức tranh sinh hoạt văn hóa phong phú, đặc sắc, vừa mang dấu ấn của cộng đồng cư dân nông nghiệp, vừa mang nét văn hóa của cộng đồng thành thị. Về tín ngưỡng, tôn giáo, Hà Nội không chỉ thể hiện sự đa dạng về các loại tôn giáo, mà còn rất phong phú về hệ thống di tích (đình, đền, miếu, nghè...) và các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng dân gian, nổi bật là lễ hội truyền thống. Ra đời trên cơ tầng văn hóa nông nghiệp, lại gắn bó mật thiết với quá trình phát triển làng nghề/ phố nghề, tín ngưỡng Thành hoàng ở Hà Nội có những biểu hiện sinh động, một mặt, lưu giữ nhiều phong tục, tập quán truyền thống, mặt khác, lại biến đổi và thích ứng với điều kiện mà nó tồn tại, nhất là lễ vật dâng cúng. Trong bối cảnh Hà Nội đang có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế-xã hội, đô thị hóa, biến động dân cư, lễ vật trong tín ngưỡng thờ Thành hoàng có sự biến đổi cả về nội dung và hình thức. Đây là một hiện tượng văn hóa tín ngưỡng cần được nhận diện và phân tích nhằm thấy được sự dịch chuyển sâu xa trong quan niệm về thiêng – tục, cách biểu đạt, cách thức tổ chức cộng đồng và huy động nguồn lực xã hội, nói cách khác, đó là sự thích ứng của một sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống trong bối cảnh hiện đại.

Lễ vật còn được gọi là: tế phẩm, phẩm vật, đồ cúng. Trong Tân biên Hán ngữ từ hải, tế phẩm (祭品) được định nghĩa là “lễ vật (đồ cúng) dùng (dâng lên) trong lúc tế lễ” (Tân biên Hán ngữ từ hải, 2012: 610). Đào Duy Anh định nghĩa tế phẩm là “phẩm vật để cúng tế (offrandes)” (Đào Duy Anh, 1996: 257). Từ đó, lễ vật được hiểu là toàn bộ các đồ cúng dâng lên đối tượng thiêng vào thời điểm thực hành nghi lễ. Lễ vật vừa là phương tiện duy trì kết nối giữa con người với đối tượng thiêng, vừa là cơ chế quy định và củng cố quy tắc ứng xử trong cộng đồng thông qua việc phân công chuẩn bị, kiêng kỵ, thực hành dâng lễ, phân chia sau lễ.

* Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: thanhbang26@gmail.com.

Trong công trình *Luận về biếu tặng - Hình thức và lý do của sự trao đổi trong các xã hội cổ sơ*, Marcel Mauss nghiên cứu lễ vật dâng cúng thần linh của một số tộc người cổ sơ ở Bắc Mỹ, Đông Bắc Á và ở Celebes (nay là Sulawesi, thuộc Indonesia). Tác giả cho rằng: nghi lễ trao quà hay sự dâng cúng lễ vật lên thần linh chính là biểu hiện của mối quan hệ kinh tế - xã hội mà “sự phá hủy có tính chất hiến tế rõ ràng nhằm mục đích biếu tặng và sự biếu tặng đó tất nhiên được đáp lại”, “người ta tin rằng phải mua của thần linh và tin rằng thần linh biết đáp trả đúng với giá trị của sự vật” (Marcel Maus, Nguyễn Tùng dịch, 2011: 220-221). Mặc dù, nghiên cứu của Marcel Mauss gắn với xã hội cổ sơ, song đặt trong diễn trình nghi lễ tôn giáo hiện nay, sự dâng tặng lễ vật về bản chất vẫn thể hiện quan hệ trao đổi thực dụng giữa con người với thần linh. Đây được xem là cuộc trao đổi “không cần hợp đồng” mà được dẫn dắt bằng niềm tin tôn giáo và truyền thống nghi lễ. Mục đích là để nhận được sự phù hộ, phòng ngừa nguy cơ “giáng họa”, hoặc chuộc lỗi với thần linh.

Phan Kế Bính trong *Việt Nam phong tục* (các bài viết công bố lần đầu vào năm 1915) đã mô tả quy mô tế tự ở làng xã với sự phân biệt thịnh - sơ¹, tế - lễ theo tuần tiết hằng năm hoặc các năm “phong kiềm”, từ đó quy định lễ vật có thể dùng bò, lợn hoặc gà, xôi tùy từng nơi. Trước mỗi cuộc tế, nghi thức “củ soát” được thực hiện nhằm bảo đảm tính đầy đủ và tinh khiết của lễ vật (Phan Kế Bính, 2006). Nguyễn Từ Chi trong *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ* (công bố lần đầu năm 1984) khẳng định rằng: ngôi đình và thờ cúng Thành hoàng là trung tâm đời sống văn hóa làng xã; việc chuẩn bị, góp cỗ, hiến tế và chia phần đều là những công việc quan trọng, đòi hỏi sự bảo đảm về số lượng, chất lượng lễ vật và phản ánh mối quan hệ giữa bộ phận lý dịch và các giáp trong vận hành cộng đồng (Nguyễn Từ Chi, 2003). Dựa trên tư liệu thần tích và khảo sát thực địa, Nguyễn Duy Hình trong *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam* đã dẫn chứng và lập luận rằng: dù mượn khái niệm của văn hóa Trung Quốc nhưng tính chất thành thị, thị dân của tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam lại rất mờ nhạt, bản chất vẫn là tín ngưỡng thờ thần địa phương của người nông dân ở làng xã được nhà nước phong kiến thể chế hóa (Nguyễn Duy Hình, 1996). Do đó, lễ vật dâng Thành hoàng vừa mang tính quan phương vừa mang tính dân gian.

Một số công trình đề cập trực tiếp đến lễ vật trong lễ hội/tín ngưỡng ở Việt Nam, tiêu biểu như: Nguyễn Quang Lê (2003) đã tiếp cận lễ vật từ góc nhìn văn hóa ẩm thực, nhấn mạnh quan niệm và đặc điểm của ẩm thực trong cấu trúc nghi lễ thờ cúng tổ tiên, thần linh, lễ hội (đình, đền, miếu). Ngô Đăng Lợi (2010) bên cạnh thống kê hệ thống Thành hoàng ở Hải Phòng đã mô tả lễ vật trong một số lễ hội, cho thấy rằng lễ vật vừa tuân theo điển lệ triều đình, vừa phản ánh tập tục cư dân vùng sông nước và đặc thù từng vị thần. Đối với Hà Nội, Trần Văn Mỹ (chủ biên, 2023) đã mô tả lễ vật trong lễ hội làng theo trình tự từng tháng, góp phần phác họa sự phong phú, đặc sắc của lễ vật dâng Thánh theo phong tục truyền thống. Ngoài ra, lễ phẩm trong tín ngưỡng Thành hoàng ở Hà Nội cũng được đề cập rải rác trong các nghiên cứu về lễ hội và tín ngưỡng như Lê Trung Vũ (chủ biên, 2006), Đỗ Thị Hảo (chủ biên, 2016),... Các nghiên cứu trên, dù có đề cập đến lễ vật trong tín ngưỡng thờ Thành hoàng, tuy nhiên, vấn đề đặc điểm và biến đổi của lễ vật - với tính chất là yếu tố thể hiện sự chuyển dịch quan niệm, thực hành nghi lễ trong bối cảnh đương đại vẫn chưa được phân tích, lý giải một cách có hệ thống dưới góc độ biến đổi tôn giáo, văn hóa.

Bài viết này dựa trên tài liệu nghiên cứu của các học giả đi trước và kết quả khảo sát tại một số ngôi đình thờ Thành hoàng ở Hà Nội để phân tích đặc điểm truyền thống và làm rõ xu hướng biến đổi hiện nay của lễ vật dâng cúng Thành hoàng. Vấn đề này không chỉ đóng góp vào phương diện nghiên cứu

¹ Thịnh - sơ: Mô thức tổ chức nghi lễ theo chu kỳ ở các làng, trong đó chia ra những năm/ kỳ lễ hội được tổ chức ở quy mô lớn (thịnh), đầy đủ nghi thức, nhiều thành phần tham gia và những năm/ kỳ lễ hội được tổ chức ở quy mô nhỏ (sơ), giản lược, chỉ thực hiện các nghi thức chính, giới hạn về nhân lực, tài lực.

tín ngưỡng Thành hoàng trong bối cảnh đương đại, mà còn cung cấp cơ sở cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay.

1. Đặc điểm của lễ vật truyền thống trong tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở Hà Nội

Tín ngưỡng Thành hoàng mang tính phổ quát, là trung tâm của đời sống văn hóa, tinh thần, của cộng đồng cư dân Hà Nội. Trong lịch sử, các quy định liên quan đến lễ vật có ảnh hưởng sâu rộng, phản ánh bản sắc của mỗi cộng đồng/ địa phương.

1.1. Tính cộng đồng và sự phân biệt giữa các dịp tế lễ

Dưới thời phong kiến, tế tự Thành hoàng được tổ chức thông qua hệ thống giáp, phe, lão, lệnh với cơ cấu tương đối thống nhất và linh hoạt. Việc chuẩn bị lễ vật và phân công trọng trách tế tự được luân phiên theo độ tuổi. Vì vậy, các phe, giáp, hộ gia đình hay cá nhân đều thực hiện trên cơ sở ủy thác của làng, đại diện cho cộng đồng. Kinh phí cho tế lễ và lễ vật chủ yếu lấy từ hoa màu ruộng thờ cúng, được giao luân phiên cho giáp hoặc hộ gia đình/cai đám canh tác. Đây vừa là vinh dự, đồng thời là trách nhiệm lớn mà người được giao phải gánh vác. Kết quả của việc “phụng sự” Thành hoàng trong năm ấy không chỉ ảnh hưởng tới cá nhân, mà còn quyết định vận mệnh của làng. Sau dâng cúng, lễ vật được phân chia theo quy định về ngôi thứ trong làng xã, phản chiếu quan hệ quyền lực thế tục và thần quyền phong kiến.

Về loại hình, nhìn chung lễ vật dâng Thành hoàng không có sự khác biệt đáng kể giữa cộng đồng thị dân Thăng Long và cư dân nông thôn. Tuy nhiên, do không gian đô thị chật hẹp, thiếu ruộng thờ và diện tích canh tác, lễ vật ở Thăng Long chủ yếu được mua sắm, với kinh phí dựa vào sự đóng góp của hội viên. Hương ước làng Kim Ngân quy định lệ thu tiền thuế đúc vàng để lấy tiền làm lễ hội tại điều 43: “ai nhận đúc vàng, mỗi lượng thu 36 văn tiền (thu từ 5 tiền trở lên). Vàng mỗi hót (không kể tốt xấu) thu tiền 30 văn. Người ngoài ngụ cư ở phường thì thu 1 nửa...” (Đỗ Thị Hào chủ biên, 2016: 73-74).

Bên cạnh tính thống nhất, lễ vật trong thờ cúng Thành hoàng còn được phân biệt theo quy mô, giá trị, số lượng và cách thức dâng lễ, tùy thuộc từng nghi tiết trong năm; giữa ngày nhập tịch và ngày chính hội; giữa hậu cung và tiền/trung tế; giữa chính thần và các thần phối thờ; cũng như giữa các chủ thể dâng lễ. Trong đó, lễ vật vào ngày hội của làng thường có quy mô lớn và được chuẩn bị công phu, hoành tráng nhất. Quy định liên quan đến lễ vật, vì vậy còn chính là sự phản ánh vận hành tổ chức cộng đồng làng xã dựa trên ngôi thứ và nghi lễ. Có thể khái quát như sau:

- *Ngày thường*: chủ yếu là bao sái di tích, thay nước, dâng hoa và thắp hương do thủ từ hoặc người được giao phụ trách.

- *Ngày rằm, mùng một, các tiết lễ*: dâng hương hoa và lễ vật đơn giản (xôi, giò, gà, hoa quả, bánh kẹo...), thực hiện bởi thủ từ, ban khánh tiết hoặc cai đám.

- *Đại sự lệ (ngày sinh, ngày hóa, lễ kỉ niệm của Thành hoàng)*: toàn cộng đồng tham gia dọn dẹp, trang trí và chuẩn bị lễ vật. Lễ vật đa dạng, gồm lễ của làng, của hội đoàn thể, của gia đình/dòng họ và của khách thập phương.

1.2. Đa dạng về loại hình

Sự đa dạng của lễ vật dâng cúng Thành hoàng được phô bày trong dịp lễ hội khiến việc thống kê từng loại hình không dễ dàng. Về cơ bản, lễ vật gồm các nhóm chính: con vật nuôi (con sinh), nông sản - thực phẩm, mâm cỗ, vàng mã...

Con vật nuôi: là lễ vật quan trọng, tượng trưng cho tục hiến sinh trong lịch sử, phổ biến nhất gồm bò, lợn, trâu, gà. Nhiều làng ở Hà Nội quy định rõ số lượng, giá trị và tiêu chuẩn của con vật dâng cúng trong hương ước/khoản lệ; đồng thời, hình thành những phong tục đặc thù như rước lợn, nghinh bò, đánh cá thờ. Có thể kể đến: tế tam sinh (trâu, dê, lợn) ở làng Bát Tràng; tế bò (Thánh Ông), tế gà mái ghe (Thánh Bà) ở làng Yên Thái; tế lợn và tế bò ở làng Đông Dư; tế bò thui (bò nghinh) ở làng Giá; tế lợn nguyên con (ở trung đình) và tế bò (được giết mổ lấy phần đầu để tế đình, phần thân để khao dân) ở làng Kim Mã. Đặc biệt, một số làng ở Hà Nội có cúng cá nuôi ở ao làng, như các làng ở vùng Hoàng Liệt, làng Lê Mật. Quá trình chuẩn bị, nuôi dưỡng các con vật tế thường giao cho cai đám hoặc các giáp phụ trách với quy định nghiêm ngặt. Hương ước làng Đông Dư có điều khoản về việc nuôi lợn tế luân phiên giữa các hộ trong giáp, bao giờ cũng dự phòng hai hoặc ba nhà cùng nuôi. Trường hợp lợn bị dịch, hoặc không đủ tiêu chuẩn thì phải thay thế, hoặc tìm mua con khác. Ở làng Giá, điều khoản nuôi bò do các gia đình thuộc hạng ba đến hạng bảy phụ trách, phải ăn cỏ non và tắm rửa sạch sẽ (Lê Hồng Lý chủ biên, Nguyễn Thị Hương Liên, 2011: 86).

Các nông sản và thực phẩm khác: cũng là nhóm lễ vật không thể thiếu. Bên cạnh rượu, trâu cau, lễ vật thường gồm xôi (đồ từ gạo ngon, có thể đóng thành oản), các loại bánh truyền thống (bánh chưng, bánh dày, bánh tẻ, bánh khảo, bánh cốm...), các món chè, cùng hoa quả theo mùa như chuối, bưởi, hồng. Những lễ phẩm này đều được lựa chọn từ nguyên liệu tốt nhất và chế biến công phu, thể hiện thành tâm của cộng đồng.

Về mâm cỗ: là hình thức lễ vật phân theo cơ cấu tổ chức xã hội của làng xã, gắn với tục “góp cỗ” của các giáp. Trong dịp hội làng, các giáp lần lượt khênh cỗ ra đình để tế lễ, dự thi và sau đó rước về nhà cai đám để thụ lộc. Mâm cỗ được coi là bộ mặt của tập thể, trong đó, lễ vật quan trọng nhất là lợn nguyên con, vì vậy - “các giáp đều ganh đua nhau sắm cỗ lớn” (Nguyễn Từ Chi, 2003: 331-332). Một số phong tục tiêu biểu gồm: Làng Mai Động có truyền thống dâng cỗ vào ngày kỷ niệm chiến công của Thành hoàng (15/8 Âm lịch), mỗi giáp chuẩn bị 60 cân xôi và nguyên con lợn khoảng 40kg để lễ ở nghè và đình. Làng Kim Mã trước đây có lệ thi cỗ xôi, gà, giữa ba giáp (Trung, Văn, Thượng) vào mùng 10 tháng Giêng. Mâm cỗ nào chuẩn bị công phu, trình bày đẹp, đạt giải nhất sẽ được đem vào hậu cung lễ Thánh. (Lê Hồng Lý chủ biên, Nguyễn Thị Hương Liên, 2011: 159-163). Làng Đông Dư có lệ thi dâng cỗ là 20 gánh xôi nấu bằng gạo nếp trắng thơm không lẫn, vo đãi kỹ, nấu dẻo xôi và 01 con lợn. Lợn to nhất là con nặng trên một tạ, thịt hồng, tươi, béo. Tế xong, hạ cỗ ăn uống và chia phần theo ngôi thứ. Nhiều lễ hội ở Hà Nội còn duy trì các cuộc thi cỗ truyền thống như thi cỗ 7 tầng (Kim Liên), thi cây xôi (Phú Mỹ, Kiều Mai), thi cơm nắm muối vừng (Tó). Những hình thức này không chỉ biểu trưng cho ước vọng mùa màng, chăn nuôi thịnh vượng mà còn thể hiện sự khéo léo, tài nghệ ẩm thực của cộng đồng (Lê Trung Vũ chủ biên, 2006: 344-345, 15-16).

Vàng mã: là thành tố quen thuộc trong lễ vật thờ Thành hoàng, bắt nguồn từ quan niệm “trần sao âm vậy”. Mặc dù, không được sử dụng với quy mô lớn như trong tín ngưỡng thờ Mẫu, vàng mã vẫn được coi là một “phương tiện để đi vào thế giới âm” (Nguyễn Kim Hiền, 2009: 308-309). Các thếp tiền giấy, vàng giấy hay vàng thỏi luôn xuất hiện trên mâm lễ như một thói quen trong thực hành “xếp lễ”, thể hiện sự thành kính đối với thần linh. Ở làng Giáp Nhị, tục rước mã từ đền Ông Thọ về đình để dâng Thành hoàng vẫn được duy trì trong lễ hội gắn với truyền thống nghề làm vàng mã ở làng. Sự đa dạng của lễ vật thờ Thành hoàng phản ánh quan niệm của cư dân Hà Nội trong việc dâng lên vị thần bảo hộ những sản vật tốt đẹp, tinh tế nhất. Tùy vào điều kiện sinh thái của phố thị hay nông thôn, quy trình chuẩn bị và nghi thức dâng lễ có những khác biệt nhất định.

1.3. Thiêng hóa lễ vật

Việc thiêng hóa lễ vật là hành vi phổ biến trong tín ngưỡng, tôn giáo. Mục đích là bảo đảm lễ vật đạt độ tinh khiết và trang nghiêm, thể hiện “lòng thành” - biểu trưng cho “quà tặng” thiêng gửi tới thần linh. Trong thờ cúng Thành hoàng, nhiều quy định được thiết lập để lễ vật vượt khỏi tính chất đời thường, mang tính thiêng, từ việc lựa chọn người đảm trách có phẩm hạnh mẫu mực, đến các quy định nghiêm ngặt về nuôi trồng, chăm sóc, chế biến, bày biện, cách thức dâng lễ với nhiều kiêng kỵ đi kèm.

Quy định về nuôi dưỡng, chăm sóc: Nguyễn Từ Chi mô tả việc nuôi lợn tế thần: “mua, nuôi và vỗ con lợn tế này, mà nghệ thuật sống sót của nông dân ở đây, để tỏ lòng tôn trọng đối với lễ vật chính dâng lên thần linh, gán cho tên gọi là “Ông Ý” (vì nó phải nặng trên một tạ), lại là việc được chuẩn bị từ một năm trước. Nhiệm vụ đó, cai giáp phải đảm đương, nói một cách khác, trừ một số biệt lệ ra, còn thì từng thành viên của giáp, đến lượt mình sẽ được hưởng vinh dự (và phải chịu gánh nặng) dâng lễ vật quan trọng nhất lên thần linh, bằng của cải do bàn tay mình làm ra, vì nói chung rồi ai thì cũng có lúc nhận chức cai giáp trong một năm” (Nguyễn Từ Chi, 2003: 332). Yếu tố tinh khiết được đề cao nên việc nuôi trồng, chế biến lễ vật phải do những người có chuẩn mực về sức khỏe, đạo đức, gia thế, không chịu tang chế đảm nhiệm. Trong suốt quá trình nuôi dưỡng vật tế, người cai đám/phụ trách phải giữ mình, tránh xô bồ trong cuộc sống. Con vật nuôi tế thần được tôn kính gọi là: ông Ý, ông Bệu, con Nghinh... được cung kính, chăm sóc cẩn trọng, ăn uống sạch sẽ để có sự tăng trưởng tốt về cân nặng và hình thể. Sự thiêng hóa bằng các kiêng khem này khiến cho lễ vật có được bản chất hoàn toàn khác với các vật nuôi bình thường, phân định thiêng - tục, bồi đắp niềm tin và truyền thống nghi lễ qua các thế hệ.

Để đảm bảo tính đầy đủ, toàn vẹn của lễ vật, nghi thức kiểm tra được tiến hành kỹ lưỡng trước mỗi cuộc tế. Phan Kế Bính trong *Việt Nam phong tục* mô tả rằng: trước lễ cáo yết một ngày, người phụ trách thực hiện *tĩnh sinh* - dắt trâu bò ra xem xét, đổ rượu vào đầu; sau đó *cử soát tế vật* xem xét đồ lễ có bị thiếu gì không, có vi phạm gì không? Sau nghi thức này thì chủ tế và chấp sự mới chính thức “*quán tẩy - thuế cân*” (rửa tay và lấy khăn lau) để bước vào cuộc tế thần linh (Phan Kế Bính, 2006: 101-102).

Ngoài ra, các yêu cầu về số lượng, trọng lượng và hình thể lễ vật còn phản ánh rõ yếu tố phồn thực dân gian. Vật dâng phải đạt chất lượng tốt nhất; gạo nấu xôi phải là loại ngon; nước dùng trong tế lễ được lấy từ nguồn nước thiêng qua nghi thức rước nước. Đặc điểm của lễ vật về cơ bản phản ánh tâm thức tôn sùng thần linh của người dân, nhưng cũng truyền tải tính phồn thực dân gian về mùa màng bội thu, nông sản trù phú.

1.4. Tính biểu trưng gắn với thần tích và đặc điểm lịch sử, văn hóa của địa phương

Lễ vật dâng Thành hoàng ở một số làng Thăng Long - Hà Nội thường gắn với tiểu sử và hành trạng của vị thần được thờ. Làng Cự Khối (Thạch Bàn) kiêng dùng gà trắng vì húy danh Thành hoàng Bạch Đa Đại Vương. Làng An Thái dâng gà mái ghe theo “di nguyện” của Thánh Bà; gà phải là mái tơ, không dị tật, luộc nguyên con, uốn dáng phượng châu và dùng nước luộc gà nấu cơm nếp (Lê Trung Vũ chủ biên, 2006: 393, 412). Tục cúng cá không đầu của năm làng Đàm, Đại Từ, Linh Đàm, Bằng Liệt và Tứ Kỳ bắt nguồn từ truyền thuyết Bảo Ninh Đại Vương - vị thủy thần bị sét đánh cắt đầu khi làm mưa cứu dân. Vào ngày lễ, người dân chọn cá to từ ao làng, bỏ đầu và chế biến thành các món hấp, nấu giám bồng để tưởng niệm công lao của thần (Đỗ Thị Hảo, 2016: 557-558).

Gắn với môi trường sinh thái, làng chài Vạn Vĩ (Đan Phượng) duy trì lệ đánh cá sông để dâng lễ. Con cá đẹp nhất được đặt lên mâm đồng tế thần, sau đó chế biến thành nhiều món để khao dân làng, qua

đó thiêng hóa hoạt động lao động và gắn kết cộng đồng (Đỗ Thị Hảo, 2016: 632-633). Tại lễ hội làng Chử Xá (Gia Lâm) vào ngày 17-19 tháng Giêng, cỗ chay (trầu, cau, oản, xôi, chuối, chè kho, xôi vò, bánh gai, bánh dày) và cỗ mặn (xôi, thịt thủ hoặc chân giò lợn luộc) được dâng riêng theo từng ban thờ: cỗ chay dâng Thánh Chử và nhị vị phu nhân; cỗ mặn dâng Càn Hải Đại Vương - Tứ Vị Thánh Nương. Đặc biệt, mâm cá mòi là lễ vật bắt buộc ở hậu cung, phản ánh dấu vết của “truyền thống ngư nghiệp cổ” (Đỗ Lan Phương, 2010: 144 -150). Trường hợp làng Mai Động, sử dụng rượu mơ là lễ vật “tinh túy” không thể thiếu khi cúng Thành hoàng làng. Theo đó, rượu được ngâm từ mơ ngon nhất vùng (Kẻ Mơ) và nấu bằng nước sông Hồng tinh lọc, để ủ qua thời gian mới lên được chất rượu ngon nhất.

Nhìn tổng thể, lễ vật dâng Thành hoàng ở Thăng Long - Hà Nội mang tính biểu trưng rõ nét, được định hình bởi thần tích của thần và môi trường sinh thái, lịch sử - văn hóa của mỗi địa phương. Những quy ước về kiêng kỵ, lựa chọn và chế biến lễ vật không chỉ tái hiện hành trạng của thần mà còn lưu giữ ký ức nghề nghiệp, phong tục sản xuất và bản sắc cộng đồng, qua đó khẳng định vai trò của lễ vật như một phương tiện kết nối truyền thống tín ngưỡng với đời sống văn hóa - xã hội đương đại.

2. Một số xu hướng biến đổi lễ vật trong tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở thành phố Hà Nội hiện nay

Trải qua nhiều thập niên bị gián đoạn, tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam có sự phục hồi nhanh chóng kể từ Đổi mới đất nước (1986), thể hiện trên tất cả các mặt: cơ sở thờ tự, nghi lễ, cộng đồng. Sự cởi mở trong chính sách của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tạo điều kiện để thờ cúng Thành hoàng “hồi sinh truyền thống” - phục dựng đình, miếu, nghề, và tái cấu trúc nghi lễ, lễ hội. Đây là cơ sở để lễ vật dâng cúng Thành hoàng được khôi phục và biến đổi rõ rệt về loại hình, phương thức chuẩn bị, chế biến, bài trí và dâng lễ.

2.1. Xu hướng giản lược và tiện lợi

Việc rút ngắn thời gian tổ chức lễ hội theo quy chế hiện nay dẫn đến xu hướng giản lược và tiện lợi trong chuẩn bị lễ vật. Trước kia, các giáp đảm trách đều phải trực tiếp nuôi trồng, đợi sinh trưởng và thu hoạch thì mới có lễ vật để tế thần, nên thời gian chuẩn bị kéo dài trong nhiều tháng, thậm chí lên tới cả năm. Hiện nay, lễ phẩm chủ yếu do Ban Khánh tiết hoặc Ban tổ chức phụ trách mua sắm trực tiếp trên thị trường, tục nuôi vật tế chỉ còn tồn tại ở rất ít địa phương. Xu hướng tối giản về thời gian, việc chuẩn bị khiến cho tính chất con sinh và hiến sinh vốn có trong nghi thức tế tự thần linh bị mai một, thay vào đó là tính đủ đầy và phù hợp. Quan niệm về sự “toàn thể” của con sinh có tính tượng trưng, phổ biến các làng dùng lễ vật là thủ (đầu) lợn (và đuôi lợn), để cho đẹp mắt hơn thì người ta gài ngang phần đuôi vào miệng, sau đó phủ tấm choàng mở ra bên ngoài. Lễ vật liên quan đến vật nuôi hiện phổ biến ở ba dạng: (1) Đẻ nguyên con đẻ rước và tế thần; (2) Con vật được chế biến nguyên con (gà luộc, lợn quay, bê thui, cá chiên/hấp); (3) Các phần thịt gia súc, gia cầm đã pha chế như thủ lợn, thịt ba chỉ, chân giò, giò, chả...

Sự tiện lợi này phản ánh sự thay đổi quan niệm và lối sống của người dân trong thực hành tín ngưỡng. Nếu trước đây việc làm cỗ thể hiện tinh thần “thờ Thánh, khao làng” và đề cao tính “toàn thể” của con sinh, nay, phần lớn mâm cỗ và lễ phẩm được đặt dịch vụ, kể cả “lộc Thánh” cũng là phần được chuẩn bị sẵn. Xu hướng này xuất phát từ sự suy giảm nhân lực tham gia nghi lễ do chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp, di dân, và sự phát triển mạnh của dịch vụ nấu cỗ và chuẩn bị đồ lễ.

So sánh sự biến đổi lễ vật ở làng Cam (Gia Lâm) cho thấy sự chuyển đổi rõ rệt trong tổ chức lễ hội. Trước năm 1986, bốn giáp trong làng được giao chuẩn bị lễ vật ngay sau khi hội kết thúc; mỗi giáp chọn giống, nuôi và vỗ béo lợn tế cho năm sau. Đến tối ngày 6/2 âm lịch, các giáp giết lợn, sáng 7/2 thì rước cỗ

gồm thủ lợn và mâm xôi ra đình; sau lễ tế, xôi thịt được chia lộc cho dân; ngày 8/2 âm lịch lại rước oản chay từ chùa Sùng Nghiêm sang đình, mở tiệc hoa trà; đến ngày 9/2 âm lịch làm lễ dành cho phụ nữ góa hoặc muộn chồng và chia lộc. Hiện nay, công tác chuẩn bị lễ vật ở làng Cam do hội đồng niên các thôn đảm trách. Lễ chính gồm xôi và thủ lợn ở chính ban, còn xôi, gà và các lễ phẩm khác (trầu cau, bánh kẹo, hoa quả) bày biện ở xung quanh và các ban khác. “Lộc Thánh” chủ yếu mang tính tượng trưng vì nhiều nhóm tự đặt cỗ để liên hoan. Đáng chú ý, nhóm “chị em đồng dâu” - những phụ nữ lấy chồng về làng đã trở thành lực lượng hậu cần quan trọng, phản ánh sự thích ứng của cộng đồng với điều kiện xã hội đương đại. Sự phục hồi tín ngưỡng từ Đổi mới đã làm thay đổi sâu sắc lễ vật thờ Thành hoàng, chuyển từ mô hình chuẩn bị công phu theo giáp và tục nuôi con sinh truyền thống sang hình thức giản lược, tiện lợi và mang tính tượng trưng, phản ánh sự thích ứng của cộng đồng trong bối cảnh mới.

2.2. Xu hướng hiện đại hóa và đề cao tính thẩm mỹ

Nếu như trong truyền thống, sự khan hiếm về thực phẩm dẫn tới lễ vật dâng Thành hoàng có sự đơn điệu, chủ yếu là xôi, gà, lợn, bò, rượu trắng, hoa quả theo mùa, vàng mã, trầu cau,... thì hiện nay lễ vật có sự đa dạng về loại hình, quy mô, mang tính hiện đại gắn với sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến thực phẩm. Các loại đồ khô (bánh kẹo, nước giải khát, bia rượu...) trở thành phẩm vật quan trọng trong nghi lễ như một cách thích ứng, hội nhập của người dân trong thờ cúng. Đồng thời, tính thẩm mỹ của lễ vật được đề cao, phản ánh quy luật “phú quý sinh lễ nghĩa”: các con vật được chế biến và bày đặt trên mâm/bàn có tạo dáng và trang trí đẹp mắt; các mâm/lễ hoa quả, bánh kẹo với đủ các loại quả từ nội địa cho tới nhập ngoại; các lễ hoa lớn trang trí phong phú có bảng ghi tên người cung tiến được dâng đặt tại đình...

Hiện nay, việc hiến sinh và giết mổ con vật ít còn được thực hiện ở không gian thờ cúng mà chủ yếu thông qua thị trường với các dịch vụ làm sẵn đồ lễ. Sự biến đổi này liên quan tới thay đổi quan niệm, nhận thức về hiến sinh giữa truyền thống và hiện đại. Từ chỗ, hiến sinh là hành vi thiêng, mang ý nghĩa dâng hiến phần sự sống/tinh túy nhất lên thần linh, ít bị quy chiếu bởi hành vi bạo lực thuần túy. Trong xã hội hiện đại, khi quy chuẩn về tổ chức lễ hội văn minh được nhà nước ban hành; việc giết mổ/ hiến sinh được công khai truyền thông rộng rãi; hoặc sự phô diễn quá mức/thậm chí tách khỏi không gian thiêng vốn có dễ gây ra những tranh cãi về tính nhân văn, phản cảm. Vì vậy, việc điều chỉnh cách thức dâng lễ nhằm cân bằng giữa ý nghĩa tín ngưỡng và quan niệm về tính nhân văn, thẩm mỹ đương đại là cần thiết.

Bên cạnh đó, nguồn kinh phí tế tự vốn dựa vào tự điền của nhà nước và quy ước hậu thân của làng xã truyền thống nay chủ yếu đến từ công đức của người dân và khách thập phương. Điều này khiến tiền mặt trở thành một loại lễ vật đặc biệt - “lễ đen”, mang ý nghĩa ủy quyền cho người phụ trách việc tế lễ sử dụng. Phổ biến tại các đình thờ Thành hoàng hiện nay, các cá nhân/tập thể khi đến dâng lễ sẽ tiến hành công đức trước, sau đó đặt tám phiếu ghi danh đó lên mâm rồi mới làm lễ. Người ta tin rằng, sự đóng góp này mang lòng nhiệt thành, để mọi mong cầu đều được cảm ứng. Có thể nói, sự phổ biến của tiền mặt với tính chất lễ vật thể hiện biến đổi trong quan niệm về tính thiêng, những giá trị từ sự tận tâm, thành kính trong chuẩn bị lễ vật trước đây được thay thế bằng “lòng thành” và tính tiện dụng.

Ngoài ra, hiện đại hóa còn phản ánh sự quy chiếu của văn hóa hiện đại vào lễ vật. Các sản phẩm của công nghệ thực phẩm trong xã hội hiện đại được sử dụng phổ biến; vàng mã có sự đa dạng hơn, thay vì chỉ có các lá/thỏi tiền vàng thì tiền Đô la, sô đồ/hồng, các phương tiện giao thông (ô tô, xe máy, máy bay,...), thiết bị điện tử (máy giặt, tủ lạnh,...), nhà cửa; tiền mặt được sử dụng linh hoạt. Những biến đổi này cho thấy lễ vật dâng Thành hoàng ngày càng chịu tác động của bối cảnh xã hội, vừa mang tính biểu trưng truyền thống, vừa mang dấu ấn “tiêu dùng đương đại”.

2.3. Xu hướng xã hội hóa

Tín ngưỡng Thành hoàng vốn chịu sự quản lý của Nhà nước từ thời phong kiến đến nay trên các phương diện: công nhận di tích, hỗ trợ trùng tu cho đến điều phối lễ hội. Sự chuyển đổi cơ cấu tổ chức làng xã (từ giáp, phường sang thôn, tổ dân phố, hội đồng niên) dẫn đến thay đổi trong phân công chuẩn bị và dâng lễ vật, mở đường cho xu hướng xã hội hóa, tức là có sự tham gia và đóng góp của nhiều nhóm cộng đồng trong quá trình chuẩn bị lễ vật.

Sự đa dạng trong các hình thức huy động kinh phí xuất hiện từ Đổi mới (1986): Nhà nước, tập thể/cá nhân thuộc cộng đồng, người dân xa quê, người dân ngụ cư và du khách thập phương. Quá trình đô thị hóa và di sản hóa khiến cho lễ hội vượt ra khỏi khuôn khổ làng xã (Nguyễn Thị Phương Châm, 2009: 256). Khảo sát tại lễ hội thôn Vàng (xã Gia Lâm) cho thấy, trước đây làng có lệ góp cỗ theo giáp để dâng tế thần Đô Hồ Đại Vương vào ngày hội làng (mùng 6 - 7/2 âm lịch). Theo đó, “lễ nhập tịch vào 25 tháng Giêng, trừ bị phân công lễ hội. “Những con lợn dùng để tế thần, được 05 giáp nuôi cách ly, chăm sóc, tắm rửa và vỗ béo”. Ngày hội “quan đám luôn túc trực trong đình dâng đồ lễ gồm: mâm xôi, thủ lợn” (Lê Trung Vũ chủ biên, 2006: 339). Hiện nay, thôn Vàng chia thành thôn Vàng 1 và thôn Vàng 2, việc chuẩn bị lễ vật và nghi thức dâng lễ cho Thành hoàng được xã hội hóa. Vào ngày hội, Ban Tổ chức sắp xếp lịch dâng lễ phẩm (thủ lợn, xôi và hoa quả, bánh kẹo...) dành cho mỗi thôn. Lễ Thành hoàng xong, đồ lễ sẽ được mang về thôn để người dân cùng nhau thụ lộc. Ngoài ra, các hội nhóm/đoàn thể cũng đều có mâm lễ riêng của mình (thường là xôi, gà, hoa quả, bánh kẹo, tiền vàng và tiền mặt) do thành viên trong nhóm tự đóng góp.

Lễ hội phản ánh đa chiều văn hóa và phong tục của làng xã/ phường hội. Việc họp hành, bầu ban tổ chức và phân công các công việc cho các xóm/thôn/tổ dân phố hoặc hội đồng niên diễn ra trước đó nhiều ngày. Việc mua sắm/ sửa sang được giao cho các ban/hội/nhóm phụ trách. Ngày nay, dưới tác động của kinh tế thị trường thì công tác chuẩn bị dễ dàng hơn, thời gian và công phu chuẩn bị cũng giảm bớt đi nhiều. Lễ vật chủ yếu được đặt/ tìm mua ở dạng “thành phẩm” để có thể trực tiếp dâng lễ. Các giá trị về kiêng kỵ, tôn nghiêm, thanh sạch được đặt vào niềm tin với đạo đức kinh doanh của người cung ứng dịch vụ. Xu hướng xã hội hóa cho thấy, sự mở rộng chủ thể tham gia và đa dạng hóa nguồn lực trong việc chuẩn bị lễ vật, phản ánh sự thích ứng của thực hành tín ngưỡng Thành hoàng với tổ chức cộng đồng và điều kiện kinh tế hiện đại.

Kết luận

Thành hoàng là vị thần có quyền uy tối trọng trong sự hưng vong, thịnh vượng của mỗi làng, lại được nhà nước phong cấp “chủ quản” cho hệ thống thần linh tại địa phương. Nghi lễ/ lễ hội thờ cúng Thành hoàng gắn với thiết chế ngôi đình được xem như kim chỉ nam cố kết cộng đồng trong mỗi cộng cảm và cộng mệnh. Lễ vật thờ Thành hoàng hé mở hướng nghiên cứu về nghi lễ đối với tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam, góp phần củng cố nhận thức trong quản lý lễ hội tại cộng đồng địa phương; vấn đề phục hồi, bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống và phát huy các giá trị này trong công cuộc xây dựng đất nước; tăng cường ý nghĩa trong việc giáo dục truyền thống, luân lý đạo đức cho thế hệ mai sau.

Sự biến đổi của tín ngưỡng Thành hoàng cho phù hợp với đời sống xã hội đương đại mang tính tất yếu, có biểu hiện rõ rệt trong biến đổi văn hóa ở Việt Nam. Cùng với những Đổi mới về chính sách, tín ngưỡng Thành hoàng đã có thay đổi về không gian thiêng, nghi lễ, cộng đồng thờ cúng. Sự rút ngắn về thời gian, nghi thức lễ bái của lễ hội Thành hoàng dẫn đến sự điều chỉnh quy tắc về lễ vật trên nhiều phương diện: quy

trình chuẩn bị, loại hình, chế biến, bày biện, dâng lễ... Tuy nhiên, lễ vật trong tín ngưỡng Thành hoàng ở Hà Nội vẫn mang đậm dấu ấn nông nghiệp, hàm chứa khát vọng về sinh sôi, phát triển.

Sự phân biệt số lượng, quy mô trong lễ vật cúng Thành hoàng phản ánh lớp lang ứng xử và tổ chức cộng đồng làng xã trong thờ phụng. Trong xã hội đương đại, dù hình thức dâng tế/ lễ vật có sự thay đổi, nhưng niềm tin và tri thức văn hóa liên quan vẫn được các thế hệ trao truyền trong mỗi dịp lễ hội. Họ dâng những sản vật, đồ lễ tốt nhất, ngon nhất, chín chu nhất lên Thành hoàng với mong muốn nhận được sự che chở, phù hộ của vị thần bảo hộ, không chỉ cho cá nhân mà cho cả cộng đồng. Quá trình và phương thức thiêng hóa lễ vật ở mỗi giai đoạn đều nhằm củng cố hành vi của cộng đồng, gắn kết các thành viên với nhau, giữ gìn phong tục và bản sắc địa phương, hình thành không gian biểu trưng và kiến lập hệ chuẩn mực mới. Lễ vật vì thế là một di sản văn hóa không chỉ góp phần nhận diện sự vận động của tín ngưỡng Thành hoàng qua thời gian, mà còn cho thấy cách cộng đồng tái tạo niềm tin tôn giáo, bản sắc truyền thống, duy trì ký ức văn hóa và xây dựng gắn kết xã hội./.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh (1996), *Từ điển Hán Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Phan Kế Bính (2006), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Phương Châm (2009), *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay (trường hợp làng Đồng Kỵ, Trang Liệt và Đình Bảng thuộc huyện Từ Sơn, Bắc Ninh)*, Nxb. Văn hóa thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội.
4. Nguyễn Từ Chi (2003), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Đỗ Thị Hảo (chủ biên, 2016), *Tục hay, lệ lạ Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội.
6. Nguyễn Kim Hiền (2009), “Vàng mã cho người sống, chuyển hóa tâm linh trong một xã hội mở”, trong Nhiều tác giả: *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
7. Nguyễn Duy Hinh (1996), *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Quang Lê (2003), *Văn hóa ẩm thực trong lễ hội truyền thống Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
9. Ngô Đăng Lợi (2010), *Hải Phòng - Thành hoàng và lễ phẩm*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.
10. Lê Hồng Lý (Chủ biên, 2011), *Lễ hội lịch sử ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
11. Marcel Maus (Nguyễn Tùng dịch, 2011), *Luận về biểu tượng - Hình thức và lý do của sự trao đổi trong các xã hội cổ sơ*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
12. Trần Văn Mỹ (Chủ biên, 2023), *Lễ vật trong hội làng Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội.
13. Đỗ Lan Phương (2010), *Tục thờ Chử Đồng Tử*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
14. 图文珍藏版, 新编汉语辞海, 上, 光明日报出版社, 北京, 2012年 (*Tân biên Hán ngữ từ hải*, Quyền thượng, 2012), Nxb. Quang Minh Nhật báo, Bắc Kinh.
15. Lê Trung Vũ (Chủ biên, 2006), *Hội làng Hà Nội*, Nxb. Văn hóa - Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội.

Abstract**CHANGES IN OFFERINGS IN THE CULT OF TUTELARY DEITIES
IN CONTEMPORARY HANOI****Vu Thanh Bang***Institute of Anthropology and Religious Studies**Vietnam Academy of Social Sciences*

Hanoi is Vietnam's economic, political, and cultural center. Alongside major religions, the cult of Tutelary Deities, with its associated institutions such as communal houses, temples, and shrines, remains widespread in the city's spiritual life. In the contemporary context, this belief system has undergone various transformations while still preserving many traditional customs, including the preparation and offering of ritual items. Offerings constitute an essential component of worship, expressing faith, reverence toward protective deities, and reinforcing communal norms and cohesion. This article provides an overview of offerings in religious and spiritual practices, and focuses on analyzing both traditional characteristics and current trends of change in offerings within the Cult of Tutelary Deities in Hanoi.

Keywords: Worship, Cult of Tutelary Deities, offerings, Hanoi.



Lễ vật dâng Thành hoàng ở làng Thượng Thụy,
phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội

Ảnh: Vũ Thanh Bằng, chụp năm 2025